



HỮU LIÊN Á CHÂU
友聯亞洲鋼鐵

**CỦNG CỐ NỀN TẢNG
PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

KE A2/7 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo A,
Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
Tel: (84-8) 3877 0755 - (84-8) 3877 0062
Fax: (84-8) 3877 0093

CỦNG CỐ NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN

Với vị thế doanh nghiệp đầu ngành hơn 30 năm hoạt động kinh doanh hiệu quả, được công nhận là sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP.HCM, Cty CP Hữu Liên Á Châu vẫn không tự hài lòng mà luôn tập trung củng cố nền tảng, giữ vững ổn định; nỗ lực tái cơ cấu các nguồn lực; tích cực chuẩn bị các yếu tố cần thiết cho sự phát triển bền vững ngay trong năm 2010 và những năm tiếp theo.

MỤC LỤC

CỦNG CỐ NỀN TẢNG

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh	02
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	04
Con số & sự kiện nổi bật 2010	06

PHÁT TRIỂN NỘI LỰC

Quá trình phát triển & những cột mốc quan trọng	10
Chính sách phát triển nguồn lực	12
Chất lượng vượt trội	14
Sản phẩm dịch vụ	16
Qui trình sản xuất	18
Giải thưởng & Danh hiệu	20
Sức mạnh cộng hưởng	22

TỐI ƯU HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Sơ đồ tổ chức	26
Hội đồng Quản trị & Ban Giám đốc	28
Ban Kiểm Soát	31
Tình hình hoạt động kinh doanh 2010	32
Báo cáo của HĐQT & BGD	34
Báo cáo của BKS	36

PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN

TĂNG CƯỜNG THỊ PHẦN QUỐC TẾ

Mở rộng thị trường	42
Đầu tư liên kết	44
Mời gọi đầu tư	46

ĐỔI MỚI VỮNG BỀN TƯƠNG LAI

Định hướng phát triển, các mục tiêu giai đoạn 2012-2014 báo cáo bền vững	50
Kế hoạch hành động 2011	52

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất	xx
----------------------------	----



TÂM NHÌN

Gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu ngành thép thế giới và Trở thành một tập đoàn kinh doanh đa ngành hàng đầu tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Mang đến sự hài lòng cho các đối tác, cộng sự với sự trân trọng của tình bằng hữu thông qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hài lòng đối tác

- Tôn trọng và hợp tác đôi bên cùng có lợi
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng

Giữ gìn Uy tín

- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng, cộng sự

Tinh thần đồng đội

- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ đồng nghiệp

Hiệu quả công việc

- Quan tâm đến hiệu quả công việc

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Hữu Liên Á Châu giữ vững cam kết cung cấp chất lượng vượt trội thông qua việc đảm bảo quy trình phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có độ bền cao.

Hữu Liên Á Châu hoạt động theo tiêu chí “Uy tín vàng” thông qua việc lắng nghe khách hàng, tăng cường năng lực ban lãnh đạo và nhân viên, đẩy mạnh mối quan hệ chiến lược để mang đến sự phát triển bền vững cho cho cổ đông, nhà đầu tư và nhân viên.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“KHÁCH HÀNG LÀ
BẰNG HỮU,
SẢN PHẨM LÀ
CAM KẾT.”

Kính gửi Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư và các Đối tác chiến lược thân mến,

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty CP Hữu Liên Á Châu (HLAC), tôi xin gửi đến Quý cổ đông lời chào trân trọng nhất, cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2010 vừa qua là năm không nhiều thuận lợi với các doanh nghiệp ngành thép Việt Nam. Vì sự bất ổn về các yếu tố vĩ mô, như thâm hụt cán cân thương mại và lạm phát cao, ảnh hưởng của chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là tỷ giá của đồng nội tệ liên tục tăng so với đồng USD và lãi suất ngân hàng liên tục tăng cao. Với quyết tâm biến thách thức thành cơ hội, HLAC đã vượt kế hoạch về doanh thu dù lợi nhuận còn xa so với kế hoạch. Nhưng chúng ta cũng đã giữ đúng triết lý kinh doanh “Khách hàng là bằng hữu, sản phẩm là cam kết”, cũng như giữ vững uy tín thương hiệu cũng như tiếp tục dẫn đầu thị phần ống thép đen của mình.

Bên cạnh đó, năm 2010 vừa qua cũng là năm chúng ta bắt đầu triển khai các hoạt động tái cấu trúc, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển thành tập đoàn đa ngành, mang tầm vóc quốc tế (trong đó ngành thép là chủ lực). Bằng cách mở rộng hơn quy mô và lĩnh vực kinh doanh của công ty; tối ưu hóa hệ thống quản lý để phát huy nội lực & phân bổ nguồn lực hợp lý; tạo lợi thế cạnh tranh cho từng lĩnh vực kinh doanh mà HLAC tham gia. Đầu năm 2011, Nhà máy thép Hữu Liên đã hoàn

thành giai đoạn 1 và đi vào hoạt động sản xuất; chính thức đưa sản phẩm ống thép ra thị trường dự kiến góp phần tăng doanh thu 2011 lên 20%, và sẽ tiếp tục triển khai giai đoạn 2; Chúng ta sẽ tiếp tục dự án Khu phức hợp HLAC và hoàn tất thiết kế chi tiết.

Thưa Quý vị,

Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, hơn 30 năm hoạt động kinh doanh hiệu quả, cùng với những kinh nghiệm đối đầu với thách thức vừa qua; Nhất là sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác, cùng tập thể CBCNV gia đình Hữu Liên Á Châu; Chúng ta sẽ đạt được những mục tiêu chiến lược dài hạn, cũng như mục tiêu trong năm mới 2011 với những kế hoạch được tính toán hết sức thận trọng. Tất cả đều hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, để chúng ta nhanh chóng gặt được quả ngọt đầu mùa, sau giai đoạn đầu tư & củng cố nội lực.

Thay mặt HĐQT tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã đồng viên, hỗ trợ và tiếp tục sát cánh cùng Hữu Liên Á Châu. Xin chúc Quý cổ đông & Công ty CP Hữu Liên Á Châu chúng ta một năm nhiều thành công và thịnh vượng.

TRẦN XẢO CƠ
Chủ tịch HĐQT



▶ CON SỐ & SỰ KIỆN NỔI BẬT 2010

1 DẪN ĐẦU THỊ PHẦN

- Tiếp tục dẫn đầu thị phần ống thép đen trên thị trường chiếm 18% trên thị phần của cả nước
- Tăng trưởng tốt về sản phẩm ống inox. (Thống kê của Hiệp Hội Thép VN 2010)



2 ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU

- Trong năm 2010, Công ty đã mở rộng thị trường xuất khẩu Myanmar với sản lượng 4.000 tấn (tương đương 3.000.000,00 USD).
- Sản lượng xuất khẩu 2010 đạt 21,114 tấn
- Doanh thu xuất khẩu 2010 đạt 2,775 tỷ
- Giá trị ngoại tệ đạt 14,827,605 USD



3 ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ

- Tiếp nhận và lắp đặt dây chuyền sản xuất sản phẩm ống thép mạ kẽm tại Công ty CP Hữu Liên Á Châu.
- Tiếp nhận lắp đặt 6 dàn máy cán ống trị giá 1.500.000,00 USD



4 PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- Tổng số nhân viên: 750 người
- 24% nhân viên gián tiếp làm việc tại văn phòng
- 76% lao động phổ thông, trong đó có khoảng 255 lao động có trình độ tay nghề bậc 3/7
- Hơn 90% lao động đều có thời gian gắn bó lâu năm tại Công ty nên mức độ phụ thuộc vào người lao động không cao





PHÁT TRIỂN NỘI LỰC

Nội lực luôn đóng vai trò quyết định thành công & sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay. Nét đặc trưng của Hữu Liên Á Châu chính là đội ngũ nhân sự đầy nhiệt huyết, trung thành và cống hiến hết sức lực và tài năng của mình cho sự phát triển thương hiệu của công ty trong suốt hơn 30 năm lịch sử. Và cũng chính nét văn hóa này đã giúp công ty ổn định trong thời gian hiện tại trước sự biến động của môi trường kinh doanh và tạo nền tảng vững chắc cho Hữu Liên Á Châu phát triển hướng đến mục tiêu trở thành tập đoàn đa ngành trong tương lai.

Ý thức được điều đó, Hữu Liên Á Châu luôn chú trọng xây dựng đội ngũ & văn hóa doanh nghiệp, giữ vững giá trị thương hiệu mình đã có, đồng thời bổ sung các yếu tố tích cực để phát huy giá trị cốt lõi cũng như thế mạnh của mình.

NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG



Năm 2008,
Hữu Liên Á Châu
được niêm yết
trên Sàn giao dịch
Chứng khoán
TP. Hồ Chí Minh
(HOSE)

Xây dựng và đưa vào hoạt động dự án sản xuất ống thép tại làng Tân Kiên, Quận Bình Chánh, TP. HCM

Chính thức đổi tên Doanh Nghiệp tư Nhân Hữu Liên

Thành lập Xí nghiệp tư nhân Hữu Liên

Xí Nghiệp Tư Doanh Hữu Liên

Hữu Liên khởi đầu là một xưởng nhỏ chuyên sản xuất nan hoa xe đạp

1978

1980 - 1986

1988

1990 - 1992

1995 - 1996

2001

Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu

2007

• Thành lập công ty cổ phần Minh Hữu Liên, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nội thất và sản phẩm ứng dụng từ ống thép

Mở rộng hoạt động kinh doanh

2008

• Thành lập Cty CP Đầu Tư Hữu Liên chuyên hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và đầu tư tài chính

Công ty Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và nhận giải Sao vàng Đất Việt

• Công ty CP Hữu Liên Á Châu tăng vốn điều lệ lên 328 tỷ đồng

2009

Thành lập Công ty TNHH 1 thành viên Thép Hữu Liên Long An, chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép (cả ống thép dân dụng lẫn công nghiệp)

2010

Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của nhà máy ống Thép Hữu Liên Long An
Hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phức hợp dân cư, Thương mại Hữu Liên Á Châu tại quận Bình Tân.

Sự phát triển được tạo ra bằng cách luôn luôn hướng về phía trước, vượt qua những trở ngại bằng tầm nhìn dài hạn, chiến lược đúng và quyết tâm cao của tổ chức



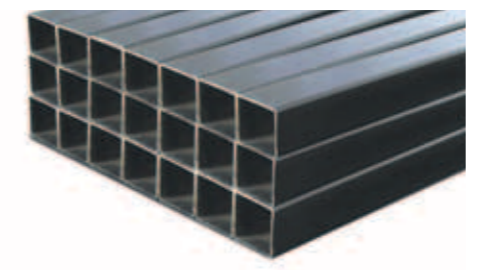
SẢN PHẨM & DỊCH VỤ

Là công ty sản xuất ống thép lớn nhất Việt Nam hiện nay, Hữu Liên Á Châu cung cấp cho thị trường các mặt hàng đa dạng như: Ống thép dân dụng, ống thép kết cấu/ công nghiệp, ống inox, xà gỗ, thép tấm, thép lá, ống thép mạ điện, thép mạ màu...

Với lợi thế là một thương hiệu hàng đầu trên thị trường ống thép tại Việt Nam, Hữu Liên Á Châu luôn cam kết đảm bảo nguồn cung ứng liên tục và đầy đủ, đáp ứng tốt nhất tất cả các nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước với đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và tận tâm.



Ống thép tròn



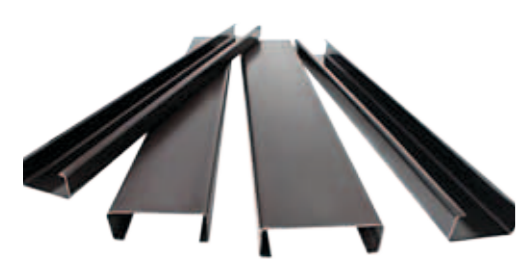
Ống thép vuông



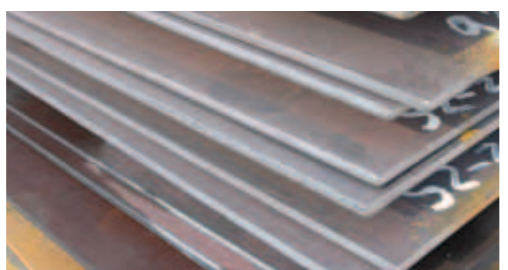
Ống inox tròn



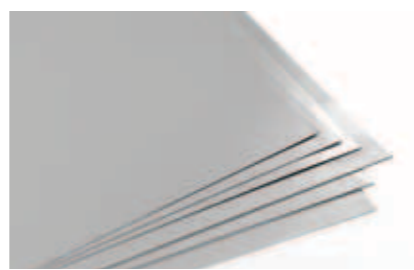
Ống inox vuông



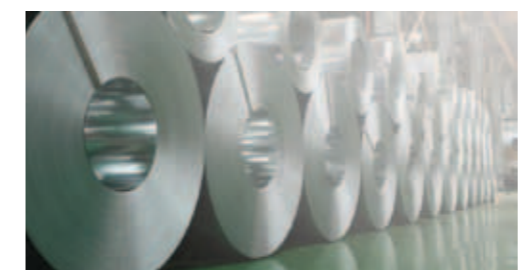
Xà gỗ



Thép tấm



Thép lá



Thép cuộn



Thép bảng

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

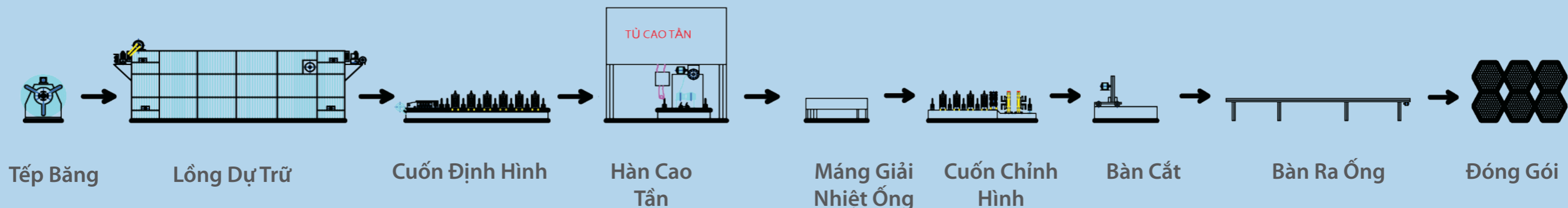
Để đảm bảo cung ứng cho khách hàng những sản phẩm đa dạng, chất lượng vượt trội và đúng quy chuẩn; dây chuyền sản xuất tại Hữu Liên Á Châu được trang bị công nghệ hiện đại của Đài Loan và Hàn Quốc. Ngoài ra, quy trình sản xuất của Hữu Liên Á Châu còn phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về đảm bảo chất lượng của hệ thống quản lý chất lượng ISO.

CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI

“MỖI SẢN PHẨM LÀ MỘT LỜI CAM KẾT VỀ CHẤT LƯỢNG”

Thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Hữu Liên Á Châu cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đúng chuẩn và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Việt Nam và Quốc tế.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT ỐNG THÉP



▶ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



HLAC luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì chúng tôi ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.

SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN & CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Số lượng lao động

Tính đến 31/12/2010, số lượng người lao động trong Công ty là 742 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

Phân theo giới tính	Số lượng người tại thời điểm				
	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
Nam	365	406	442	577	657
Nữ	64	64	67	72	85
Phân theo trình độ chuyên môn	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
Đại học	25	30	28	28	37
Cao đẳng, Trung cấp	69	77	57	74	252
Sơ cấp và nhân công kỹ thuật	335	363	424	547	453

Mức lương bình quân/tháng của NLD lần lượt:
 • 2009: 4,200,000 đ
 • 2010: 5,300,000 đ

2. Chính sách với người lao động

- Chính sách lương & phụ cấp:
 Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:
 - » Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui

định của Luật Lao động.

- » Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.
- » Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 7 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...
- Bảo hiểm và phúc lợi
 - » Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.
- Chính sách khen thưởng:
 - » Thưởng: Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật....
- Chính sách đào tạo
 - » Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì công ty luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát

triển của Công ty.

- » Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau: Đào tạo nội bộ; Mời chuyên gia bên ngoài đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khóa đào tạo tại bên ngoài.
- » Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề, các cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành được cử tham gia các buổi hội thảo, học tập nhằm nắm bắt, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.
- Chế độ nghỉ phép, lễ, tết
 - » Công ty thực hiện theo luật định.
- Tổ chức công đoàn
 - » Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.
- Cam kết với Nhân viên:
 - Chính sách nhân sự:
 - » Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp & thân thiện
 - » Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ hiện tại
 - » Thu hút nhân tài
 - » Chính sách thu nhập cạnh tranh
 - » Khen thưởng công bằng
 - Phúc lợi:
 - » Không chỉ là lương
 - » Không chỉ là nghề nghiệp
 - » Còn có cơ hội học tập, đào tạo
 - » Phúc lợi cho gia đình

▶ TÍN DANH NGÀNH THÉP

Trong suốt 32 năm hình thành và phát triển,

Thương hiệu Hữu Liên Á Châu

đã được khách hàng tín nhiệm cao tại thị trường Việt Nam. Điều này thể hiện qua các giải thưởng và danh hiệu cao quý mà công ty được trao tặng...



Cúp vàng Thương hiệu - Vietbuild 2010
Sao vàng đất việt 2008,2009, và 2010

Sao Vàng Đất Việt 2008, 2009 và 2010

1 trong 500 Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam 2010

Cúp vàng Thương hiệu - Vietbuild 2010



Hữu Liên Á Châu - Hữu Liên Á Châu - Hữu Liên Á Châu
Cúp vàng Thương hiệu - Vietbuild 2010



► ĐỐI TÁC TIN CẬY



Tại Hữu Liên Á Châu, chúng tôi luôn tôn trọng triết lý “Đối tác là bằng hữu”. Đây cũng chính là cam kết lâu dài của công ty trong mối quan hệ gắn bó mật thiết với các nhà cung cấp, quý khách hàng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi.

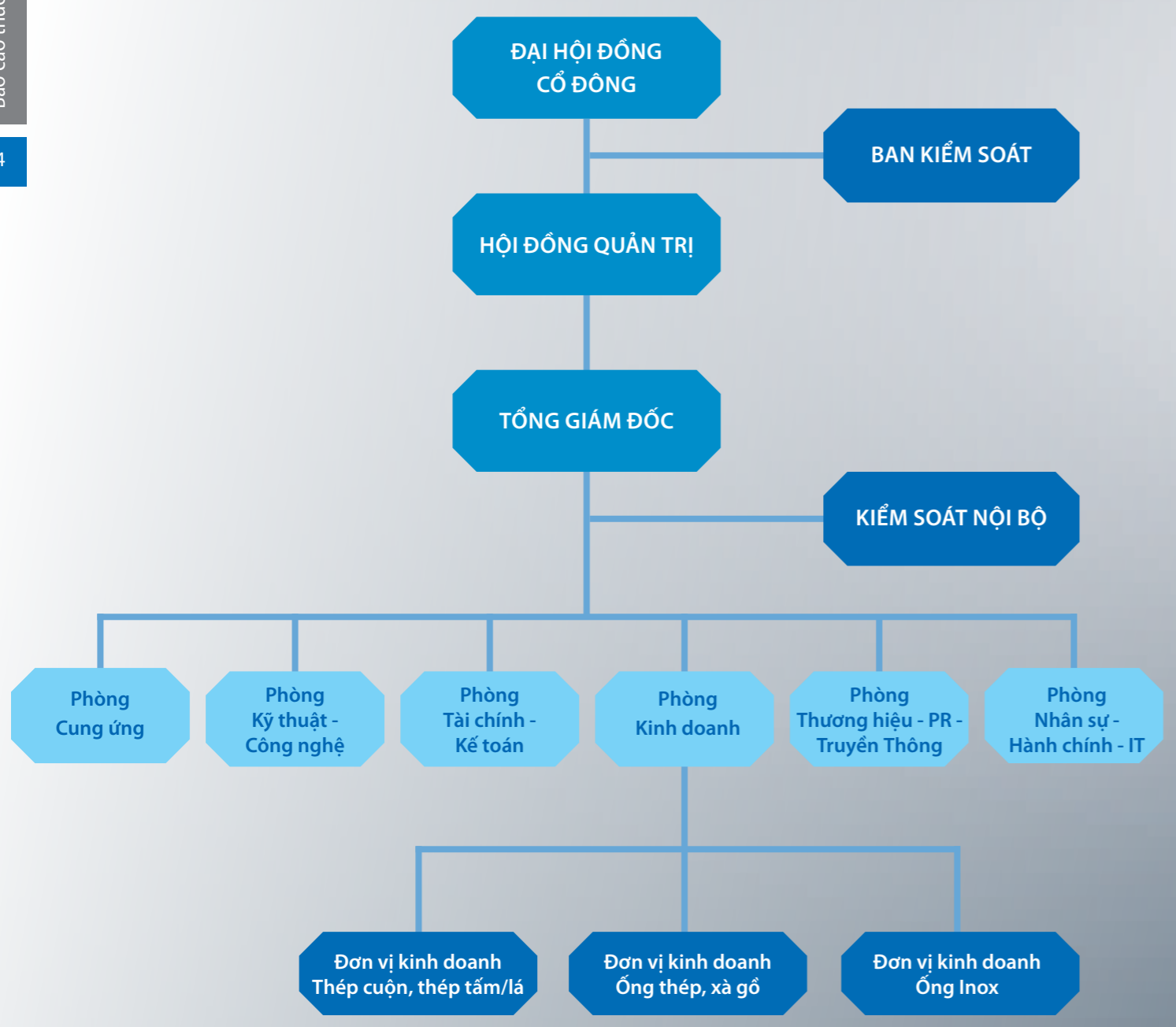
Và cũng chính tình “bằng hữu” này mà các đối tác của Hữu Liên Á Châu như Cofico, Thép Đông Á, Goonam Vina, Lưu Nguyễn,... đã giúp đưa Sản phẩm ống thép Hữu Liên vào sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng, khách sạn, văn phòng và cao ốc nổi tiếng tại Việt Nam như Kumho Asiana Saigon (Khách sạn Intercontinental), Saigon Pearl, sân bay Cần Thơ, tòa nhà Vincom...



TỐI ƯU HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Đúng đắn trong định hướng kinh doanh, luôn cẩn trọng trong những quyết định đầu tư và tính toán chi tiết cho các kế hoạch phát triển; Nhằm bảo đảm lựa chọn những biện pháp tốt nhất để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của cả năm tài chính, huy động mọi nguồn lực nội bộ của công ty, phát huy tối đa sáng kiến của từng phòng ban cũng như của từng nhân viên trong công ty, đã giúp HLAC có được thành tựu khả quan trong việc vận hành hiệu quả guồng máy HLAC hơn 30 năm qua.

► SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Hữu Liên Á Châu hiện nay có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm bao gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 3 ủy viên.



Hàng trước từ phải qua trái

TRẦN XẢO CƠ
Chủ tịch

TRẦN TUẤN NGHIỆP
Phó Chủ tịch

Hàng sau từ phải qua trái

PHAN VĂN DŨNG
Thành viên

BÙI QUANG HIỆP
Thành viên

ĐOÀN MINH TIẾN
Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Hữu Liên Á Châu hiện nay có 4 thành viên, bao gồm Tổng Giám đốc và 3 Giám đốc bộ phận

ÔNG TRẦN TUẤN NGHIỆP
Tổng Giám đốc



ÔNG BÙI QUANG HIỆP
Giám Đốc Điều hành



ÔNG TRẦN TUẤN MINH
Giám Đốc Kỹ Thuật



ÔNG PHẠM TRẦN ÁI TRUNG
Giám Đốc Tài Chính



BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát của Hữu Liên Á Châu hiện có 3 thành viên, gồm 1 trưởng ban và 2 thành viên.

ÔNG KHỰU KIM HÒA
Trưởng Ban kiểm soát



ÔNG LÊ ANH HẢI
Thành viên Ban kiểm soát



ÔNG PHẠM TRẦN ÁI TRUNG
Thành viên Ban kiểm soát



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2010:

Trong bối cảnh hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức 6,7%, tuy nhiên vẫn còn đó sự bất ổn về các yếu tố vĩ mô như thâm hụt cán cân thương mại và lạm phát cao, dẫn đến nền kinh tế tuy còn nhiều cơ hội tiềm năng nhưng môi trường kinh doanh cũng không kém phần thử thách.

Trái ngược với năm 2009, năm 2010 được xem là năm có nhiều biến động đối với các doanh nghiệp ngành Thép, do ảnh hưởng của chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là tỷ giá của đồng nội tệ liên tục so với đồng USD và lãi suất ngân hàng liên tục tăng cao.



Trước tình hình khó khăn trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã liên tục đưa ra những giải pháp, chính sách phù hợp để bình ổn và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh của Công ty, với kết quả cụ thể:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2010	TH 2010 / KH 2010
1.	Doanh thu thuần	2.600,00	2.900,94	112%
2.	Lợi nhuận trước thuế	160,00	23,77	15%
3.	Nộp ngân sách nhà nước	40,00	8,63	22%
4.	Lợi nhuận sau thuế	120,00	15,14	13%

B. CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2010

- Đã hoàn tất việc Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Thép Hữu Liên đặt tại khu công nghiệp Phú An Thạnh – Long An từ 10 tỷ lên 100 tỷ đồng.
- Đã hoàn thành giai đoạn 1 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại Khu công nghiệp Phú An Thạnh, huyện

Bến Lức, tỉnh Long An và lắp đặt hoàn chỉnh 6 dây chuyền sản xuất ống thép với công suất 40.000 tấn / năm.

3. Về khu phức hợp Hữu Liên Á Châu:

- Đã hoàn thành công tác khảo sát thị trường phục vụ cho dự án khu phức hợp Hữu Liên.
- Đã hoàn chỉnh hồ sơ kêu gọi đầu tư cho khu phức hợp.

C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2011

Dự báo năm 2011 các nền kinh tế lớn thế giới sẽ chậm chạp thoát khỏi suy thoái, hồi phục ở nhiều mức độ khác nhau, vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro của thời kỳ hậu khủng hoảng toàn cầu. Sự hồi phục của nền kinh tế sau khủng hoảng đang tạo ra những tín hiệu lạc quan cho các ngành sản xuất thép trong nước, cụ thể trong năm 2011, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 7 - 7,5% và với vai trò là nguồn nguyên liệu chính trong xây dựng, sản xuất và tiêu thụ thép chắc chắn sẽ tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển cho dù Ngành tiếp tục phải đối mặt với những tác động bất lợi cả từ bên trong lẫn bên ngoài.

Theo dự báo của Hiệp hội Thép, dự kiến trong năm 2011 nhu cầu thép của Việt Nam tăng khoảng 10% so với năm 2010, tương ứng 14 triệu tấn.

Nhận định từ các yếu tố trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đề ra kế hoạch năm 2011 (Từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2011) với các chỉ tiêu cụ thể:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011
1.	Doanh thu thuần	2.400,00
2.	Lợi nhuận trước thuế	70,50
3.	Nộp ngân sách nhà nước	18,00
4.	Lợi nhuận sau thuế	52,50
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	
	+ Chi cổ tức bằng tiền	38,85
6.	Trích các quỹ:	
	+ Quỹ khen thưởng	3,15
	+ Quỹ phúc lợi	1,60
	+ Thưởng cho HĐQT nếu đạt và vượt LN kế hoạch năm 2011	1,05
7.	Bù đắp cổ tức đã vượt trong chỉ năm 2010	7,85

D. CÁC CÔNG TÁC TRIỂN KHAI DỰ ÁN DỰ ĐỊNH TRONG NĂM 2011

- Trong quý I năm 2011 chính thức vận hành 6 dây chuyền sản xuất ống thép tại Long An, với công suất 40.000 tấn / năm.
- Dự kiến, quý III năm 2011 Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên sẽ tiếp nhận, lắp đặt, tiến hành chạy thử 2 dây chuyền sản xuất ống thép kết cấu phục vụ trong ngành công nghiệp và chính thức đưa ống thép kết cấu ra thị trường trong quý IV năm 2011.
- Tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư bên ngoài cho dự án khu phức hợp Hữu Liên.

▶ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2010 là năm có nhiều biến động đối với các Doanh nghiệp ngành Thép nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung, do ảnh hưởng của chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là tỷ giá USD và lãi suất ngân hàng (Các gói kích cầu hỗ trợ lãi suất của Chính phủ không còn).

Đối diện với những khó khăn trên, Công ty Hữu Liên Á Châu vẫn không ngừng sáng tạo, nỗ lực để giữ vững cam kết kinh doanh “Nền tảng thép, Uy tín vàng” đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010	THỰC CHIẾN NĂM 2010	TH 2010 / KH 2010
1.	Doanh thu thuần	2.600,00	2.900,94	112%
2.	Lợi nhuận trước thuế	160,00	23,77	15%
3.	Nộp ngân sách nhà nước	40,00	8,63	22%
4.	Lợi nhuận sau thuế	120,00	15,14	13%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	- Chi có tức bằng tiền		66,40	26,24
	Quý khen thưởng	6,00	-	0%
	Quý phúc lợi	3,00	-	0%
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2010	2,40	-	0%
	Bù đắp có tức đã chi năm 2008	8,74	-	0%
	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	33,46	-	0%
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4,0 triệu	4,0 triệu	112%

Căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Chúng tôi xin báo cáo việc triển khai và thực hiện theo nghị quyết của Đại hội như sau:

- Đã hoàn thành giai đoạn 1 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại Khu công nghiệp Phú An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An và chính thức đưa sản phẩm ống thép ra thị trường vào Quý I năm 2011.
- Về khu phức hợp Hữu Liên Á Châu:
 - Đã hoàn thành công tác khảo sát thị trường phục vụ khu phức hợp.
 - Đã hoàn chỉnh hồ sơ kêu gọi đầu tư cho khu phức hợp
 - Tình hình triển khai dự án khu phức hợp chậm so với kế hoạch do:
 - + Thị trường bất động sản trong thời điểm hiện nay đang trong giai đoạn đóng băng.
 - + Công tác định giá khu đất 7ha tại Quận Bình Tân chưa thực hiện được, do gặp khó khăn trong các thủ tục pháp lý của Nhà Nước
- Đã hoàn tất việc Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đặt tại khu công nghiệp Phú An Thạnh – Long An từ 10 tỷ lên 100 tỷ đồng.
- Năm 2010 thị trường vốn của Việt Nam gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng vốn của Công ty, việc huy động vốn trong năm 2010 chỉ đạt 5% so với kế hoạch đề ra, cụ thể vốn từ 328 tỷ lên 345 tỷ (theo báo cáo tăng vốn của Công ty TNHH Kiểm toán DFK ngày 19 tháng 01 năm 2011).



**2.900,94
TỶ ĐỒNG**

Doanh thu thuần năm 2010, đạt 112% so với kế hoạch



TRONG NĂM 2010

Công ty đã bắt đầu thực hiện công tác "Tái cấu trúc doanh nghiệp" nhằm kiện toàn bộ máy để hoạt động có hiệu quả.

▶ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:
Năm 2010 là năm khó khăn với các Doanh nghiệp ngành Thép, do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách Vĩ mô của Chính phủ (như tỷ giá đồng USD, lãi suất). Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị thường xuyên họp định kỳ, đột xuất với mục đích đơn đốc, đánh giá tình hình thực hiện những nhiệm vụ đã đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên trong năm 2010. Qua đó nắm sát tình hình thực tế và đưa ra những giải pháp, chính sách phù hợp để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết của Đại hội cổ đông đều được Hội đồng quản trị triển khai và thực hiện đầy đủ trong năm 2010. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã đưa những định hướng chiến lược dài hạn cho phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

2. Hoạt động của Ban giám đốc:
Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã có những biện pháp, chính sách kịp thời với tình hình thực tế diễn ra trong năm 2010 nhằm ổn định sản xuất, để đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng cho các khách hàng.

Ban giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo và điều hành các bộ phận, phòng ban trong Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2010 do Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NĂM 2010:

1. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2010:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2010	TH 2010 / KH 2010
1.	Doanh thu thuần	2.600,00	2.900,94	112%
2.	Lợi nhuận trước thuế	160,00	23,77	15%
3.	Nộp ngân sách nhà nước	40,00	8,63	22%
4.	Lợi nhuận sau thuế	120,00	15,14	13%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền	66,40	26,24	40%
	Quý khen thưởng	6,00	-	0%
	Quý phúc lợi	3,00	-	0%
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2010	2,40	-	0%
	Bù đắp cổ tức đã chi năm 2008	8,74	-	0%
	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	33,46	-	0%
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4,0 triệu	4,0 triệu	100%

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009	TĂNG (+) / GIẢM (-)
A.	TỔNG TÀI SẢN	2.182,97	1.504,77	678.20
I.	Tài sản ngắn hạn	1.762,70	1.232,17	530.53
	Trong đó:			
1.	Phải thu khách hàng	723,30	482,54	240,76
2.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4,92	0,84	(4,08)
3.	Hàng tồn kho	851,56	595,01	256,55

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009	TĂNG (+) / GIẢM (-)
II.	Tài sản dài hạn	416,27	272,60	143,67
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	2.182,97	1.504,77	678.20
I.	Nợ phải trả	1.729,25	1.217,94	511,31
	Trong đó:			
1.	Nợ ngắn hạn	1.619,23	1.189,45	429,78
2.	Nợ dài hạn	110,02	28,49	81,53
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	453,72	276,83	176,89
III.	Lợi ích của cổ đông theo thiếu số	-	10,00	(10,00)



Nhìn chung công tác điều hành hoạt động của Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên trong năm 2010, cùng quyết định của HĐQT và nội quy, quy chế công ty.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Để đáp ứng kịp thời nhu cầu mặt hàng ống thép cho thị trường trong và ngoài nước, Công ty cần:
 - Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy thép Hữu Liên tại KCN Bắc An Thạnh – Bến Lức.
 - Đào tạo và bổ sung thêm nhân sự nhằm phục vụ sản xuất cho nhà máy thép hữu Liên tại KCN Bắc An Thạnh.
- Cần duy trì và triển khai tốt công tác “Tái cấu trúc Doanh nghiệp”
- Cần đẩy mạnh công tác đối chiếu xác nhận công nợ, kiểm tra đôn đốc các bộ phận nghiệp vụ thực hiện tốt công tác để nâng cao khả năng sử dụng vốn.
- Cần duy trì quản lý tốt việc thực hiện quản lý kho nguyên liệu, vật tư hàng hóa, tổ chức kiểm kê định kỳ.

VI. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2011:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2011, ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

- Quý 1/2011:
 - Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính 2010
 - Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ trong Công ty đã ban hành.
 - Báo cáo đại hội cổ đông thường niên.
- Quý 2/2011:
 - Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1/ 2011
 - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1/2010.
 - Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1/2011 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.
- Quý 3/2011:
 - Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2/2011 và tổng kết 6 tháng đầu năm 2011
 - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2/2011.
 - Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2/2011.
- Quý 4/2011:
 - Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 3/ 2011
 - Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3/2011.
 - Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 3/2011.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty phản ánh trung thực, đầy đủ, chính xác, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty kiểm toán E&Y), qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2010 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2010. Thông qua kết quả báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010, Ban kiểm soát có nhận xét:

- Tổng doanh thu thuần đạt 112% kế hoạch năm 2009.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 13% kế hoạch, nguyên nhân: trong năm 2010 Ngân hàng nhà nước hai lần nâng tỷ giá của Đôla Mỹ lên cao, nên chi phí ngân hàng và chi phí phát sinh từ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái có gốc Đôla Mỹ (các khoản công nợ, vay...) của năm 2010 tăng cao so với năm 2009 và làm ảnh hưởng trực tiếp đến Lợi nhuận sau thuế của Công ty.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2010:

- Đã hoàn thành giai đoạn 1 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại Khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh Long An và chính thức đưa sản phẩm ống thép mạ kẽm ra thị trường vào Quý I năm 2011.

- Chuẩn bị kế hoạch xây dựng nhà xưởng giai đoạn 2 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại Khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh Long An. Dự kiến trong Quý III năm 2011 sẽ tiếp nhận lắp đặt và vận hành hai dây chuyền máy sản xuất ống thép kết cấu và chính thức đưa sản phẩm ống thép kết cấu ra thị trường vào Quý IV năm 2011.
- Trong năm 2010 đã tiếp nhận và lắp đặt dây chuyền sản xuất sản phẩm ống thép mạ kẽm tại Công ty CP Hữu Liên Á Châu.
- Về các công tác phục vụ cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu:
 - Công tác định giá khu đất 7ha tại Quận Bình Tân chưa thực hiện xong, do gặp khó khăn trong các thủ tục pháp lý của Nhà Nước
 - Đã hoàn thành công tác khảo sát thị trường phục vụ cho Dự án khu phức hợp.
 - Đã hoàn chỉnh hồ sơ kêu gọi đầu tư cho khu phức hợp và đang mời chào các nhà đầu tư.
- Đã hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đặt tại khu công nghiệp Phú An Thạnh – Long An từ 10 tỷ lên 100 tỷ đồng.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ: Năm 2010 thị trường trường vốn tại Việt Nam trong năm 2010 đầy khó khăn, nên kế hoạch huy động vốn từ 328 tỷ lên 672 tỷ không thành công như mong đợi. Theo kết quả của báo cáo kiểm toán vốn tại ngày 19/01/2011 thì vốn của Công ty được ghi nhận tăng từ 328 tỷ lên 345 tỷ.
- Trong năm 2010, Công ty đã xuất khẩu sang thị trường Myanmar với sản lượng 4.000 tấn (tương đương 3.000.000,00 USD).

- Hiện tại, Công ty vẫn duy trì vị trí dẫn đầu mặt hàng ống thép đen trên thị trường (chiếm 18% trên thị phần của cả nước) và đang tăng trưởng tốt về sản phẩm ống inox.
- Đã thực hiện việc xây dựng và củng cố thương hiệu “Hữu Liên Á Châu” thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, như: truyền hình, báo chí, quảng cáo ngoài trời.
- Duy trì việc tăng cường công tác quản lý, giám sát hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và hệ thống 5S trong sản xuất và được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận trong các năm qua.
- Trong năm 2010, Công ty đã bắt đầu thực hiện công tác “Tái cấu trúc doanh nghiệp” nhằm kiện toàn bộ máy để hoạt động có hiệu quả.
- Thường xuyên tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên trong Công ty tham dự các khóa học để nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn.
- Thực hiện nghiêm túc các quy chế khen thưởng và kỷ luật trong công tác đánh giá và quản lý thành tích của các cán bộ nhân viên của Công ty.
- Trong năm 2010, HĐQT Công ty đã tiến hành họp và thống nhất thời gian, tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông, như sau:
 - Vào ngày 23/06/2010: Thống nhất việc chi trả 3% cổ tức của đợt 2 năm 2009 và tạm ứng 4% cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền mặt.
 - Vào ngày 05/10/2010: Thống nhất tạm ứng 4% cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền mặt.



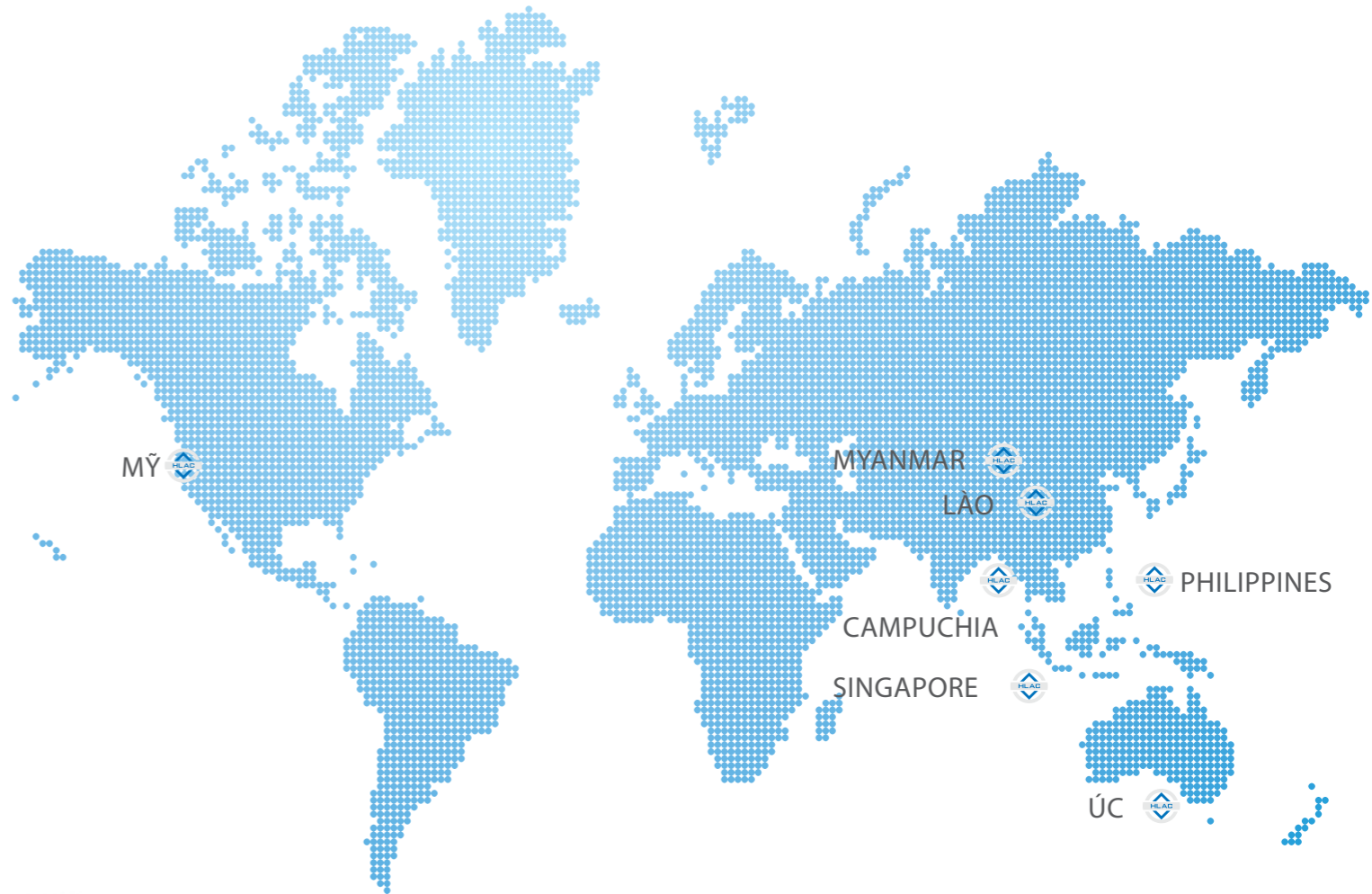
**TĂNG CƯỜNG
THỊ PHẦN QUỐC TẾ**

Mở rộng mạng lưới hoạt động và tìm kiếm đối tác tiềm năng là mối quan tâm hàng đầu của Hữu Liên Á Châu. Đây là chiến lược quan trọng để chúng tôi nỗ lực tăng cường thị phần quốc tế trong tương lai.

▶ MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI



Sản phẩm thép thương hiệu Hữu Liên được sử dụng cho hàng triệu công trình nhà ở, khách sạn, cao ốc thương mại, nhà máy và sân bay... ở Việt Nam. Với mục tiêu mang sản phẩm thép HLAC đến với hàng ngàn công trình nhà ở, khách sạn, cao ốc thương mại, nhà máy, sân bay, bến cảng,... chúng tôi thiết lập mạng lưới phân phối đa dạng thông qua hệ thống các nhà phân phối lớn, các đại lý bán sỉ, các cửa hàng bán lẻ và phân phối trực tiếp đến các dự án. Ngoài ra, sản phẩm của Hữu Liên Á Châu còn được xuất khẩu sang những quốc gia như Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào...



Sản phẩm của Hữu Liên Á Châu được xuất khẩu sang những quốc gia như **Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào.**

▶ CÔNG TY LIÊN KẾT

1. MINH HỮU LIÊN:

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ trụ sở chính	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Q.7, TPHCM
Điện thoại	84.8 5412 2948 – 5412 0781
Fax	84.8 5412 2947
Vốn điều lệ	
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 4103007675 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 28 tháng 7 năm 2009
Người Đại diện theo Pháp Luật	Ông Trần Tuấn Minh – Tổng Giám Đốc Công Ty
Website chính thức	http://www.minghuulien.com.vn
Thông tin chung	<p>Hữu Liên Á Châu là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất ống thép đen. Thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường từ năm 1978 bắt đầu từ mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy như xích, lốp, cãm xe.</p> <p>Ngày 20/04/2001 đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công Ty chính thức hoạt động theo mô hình Công Ty Cổ Phần. Đồng thời công ty cũng mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như sản xuất sản phẩm hàng trang trí nội thất, dịch vụ thương mại, kinh doanh bất động sản. Và Minh Hữu Liên tiến thân là một bộ phận sản xuất các sản phẩm nội thất phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu sang thị trường quốc tế của Hữu Liên Á Châu được thành lập từ năm 2003.</p> <p>Dựa trên nền tảng vững chắc đó, Minh Hữu Liên chính thức tách khỏi Hữu Liên Á Châu và thành lập Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên vào tháng 8 năm 2007 với Hữu Liên Á Châu là một trong những cổ đông chính.</p> <p>Hoạt động</p> <p>Công ty chuyên sản xuất và mua bán sản phẩm gia dụng có nguồn gốc nguyên liệu từ sắt thép. Trong đó, chú trọng phát triển hai dòng sản phẩm chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm trang trí nội thất cao cấp với thương hiệu Ming Furniture như bàn ghế văn phòng, trường học, nhà hàng... - Sản phẩm ứng dụng từ thép với thương hiệu MING: xe đẩy hàng hoá, kệ thép...

Stt	Chỉ tiêu	2010	2009	2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	252	152	36
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	4,389	9,558	2,355
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2,971	7,676	1,431



2. ĐẦU TƯ HỮU LIÊN:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỮU LIÊN

Địa chỉ trụ sở chính	R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Q.7, TPHCM
Điện thoại	84.8 5412 2948 – 5412 0781
Fax	84.8 5412 2947
Vốn điều lệ	40.000.000.000 đ (bốn mươi tỷ đồng) Cty CP Hữu Liên Á Châu (HLAC) nắm giữ 2.000.000 Cổ phiếu (20 tỷ) chiếm 50%
Vốn pháp định	6,000,000,000 đ (Sáu tỷ đồng)
Giấy chứng nhận ĐKKD	4103010815
Người Đại diện theo Pháp Luật	Ông Phan Văn Dũng
Website chính thức	http://www.hlic.com.vn
Thông tin chung	<p>Ngày 05/09/2008 đánh dấu bước ngoặt mới của Công ty Cp Đầu tư Hữu Liên khi công ty trở thành nhà đầu tư và tư vấn, cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản chuyên nghiệp. Hướng đi này là minh chứng cho sự năng động, nhạy bén biết nắm bắt cơ hội để phát triển của ban lãnh đạo Hữu Liên.</p> <p>Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hữu Liên ra đời trên nền móng vững chắc của Công Ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu. Với nhiệm vụ chính là quản lý khu phức hợp cao ốc Hữu Liên, triển khai hàng loạt các dự án khu Đô Thị Mới, Tổ hợp văn phòng và Trung tâm thương mại...</p>

Stt	Chỉ tiêu	2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,107,358,634
2	Lợi nhuận trước thuế	7,892,958,217
3	Lợi nhuận sau thuế	5,876,487,630





► MỜI GỌI ĐẦU TƯ: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ THÀNH VIÊN GÓP VỐN

1. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Danh mục	Số lượng người tại thời điểm	
Tổng số vốn thực góp		
Cổ đông nhà nước		
HĐQT, BKS, KTT, BGD	9.979.200	28,96%
Cổ đông trong công ty		
Cổ đông ngoài công ty		

2. CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
Tổng số vốn thực góp	34.233.467	99,34%			34.459.293	100%
Cổ đông sở hữu trên 5%	7.150.000	20,75%			7.150.000	20,75%
Cổ đông sở hữu từ 1% - 5%	8.676.900	25,18%			8.676.900	25,18%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	18.406.567	53,41%	225.826	0,66%	18.632.393	54,07%

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
Tổng số vốn thực góp	34.233.467	99,34%			34.459.293	100%
Cổ đông sở hữu trên 5%	7.150.000	20,75%			7.150.000	20,75%
Cổ đông sở hữu từ 1% - 5%	8.676.900	25,18%			8.676.900	25,18%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	18.406.567	53,41%	225.826	0,66%	18.632.393	54,07%





ĐỔI MỚI VỮNG BỀN TƯƠNG LAI

Hữu Liên Á Châu đã lựa chọn việc “Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp” trong năm 2011 làm tiền đề hoàn thành tốt các mục tiêu đặt ra trên con đường phát triển vững bền trong tương lai.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tiếp tục khẳng định Hữu Liên Á Châu là một trong những nhà sản xuất ống thép hàng đầu về quy mô, chất lượng và thị phần tại Việt Nam.

Cam kết từng bước nâng cấp quy trình quản trị doanh nghiệp, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

Tập trung đầu tư chiều sâu cho việc phát triển công nghệ, liên tục đào tạo để nâng cao trình độ công nhân, có chính sách thu hút nhân tài nhằm tạo dựng đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững cho toàn công ty.



CÁC MỤC TIÊU CỦA GIAI ĐOẠN 2012-2014

Theo nhận định của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) nếu các chính sách điều chỉnh kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện kích cầu đầu tư và xây dựng phát huy tác dụng, ngành thép sẽ tăng trưởng từ 2% đến 5% cho những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam vẫn xác định định hướng phát triển của ngành thép Việt Nam căn cứ vào quyết định số : 145/2007/QĐ-TTg qui hoạch ngành thép giai đoạn 2007-2015, có xem xét tới năm 2025 với mục tiêu và sản lượng cụ thể như sau :

	2010	2015	2025
Nhu Cầu Thép (Triệu Tấn)	12	16	25

(Trong đó ngành ống thép chiếm khoảng 8% , ngành thép cuộn, tấm cán nóng, cán nguội chiếm khoảng 44%)

Căn cứ vào những nhận định như trên, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch kinh doanh của công ty tới năm 2013 cụ thể như sau :

Chỉ Tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
I. Tổng sản lượng	220.580 tấn	242.638 tấn	266.901 tấn
II. Tổng doanh thu	2.600,00 tỷ	2.900,00 tỷ	3.200,00 tỷ
III. Lợi nhuận sau thuế	90 tỷ	100 tỷ	120 tỷ
IV. Chia cổ tức			
• Tiền mặt	15%	15%	15%
• Cổ phiếu			

BÁO CÁO BỀN VỮNG

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2011

- Ban lãnh đạo Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chuyên môn như kiểm toán nội bộ, tài chính để quản trị rủi ro về tài chính.
- Định hướng quản trị rủi ro của Công ty tập trung vào kiểm soát các rủi ro về qui trình hoạt động, rủi ro về tài chính, rủi ro về thị trường nhằm đảm bảo Công ty được kiểm soát chặt chẽ về tài chính, kế toán, đạt được các mục tiêu trong kinh doanh, đạt hiệu quả và hiệu suất hoạt động; đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, tính tuân thủ pháp luật và các qui định nội bộ
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu có thể chịu ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá, về lãi suất tín dụng, về giá của nguyên liệu đầu vào, khả năng thanh toán của các khách hàng. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Công ty chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị dự trừ cho những tình huống thay đổi của thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng của Công ty.
- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của Công ty theo từng phương án huy động vốn trong niên độ tài chính 2011.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NỘI BỘ TRONG NĂM 2011

Nhằm khắc phục những vấn đề khó khăn mà Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã gặp phải trong năm 2010, Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành xây dựng kế hoạch hành động quản trị nội bộ trong năm 2011, cụ thể:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty**
 - Chú trọng công tác thu hồi công nợ nhanh chóng và đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty.
 - Quản lý hiệu quả chi phí tài chính nhằm giảm chi phí lãi vay, tái cơ cấu nguồn vốn.
 - Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
 - Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
 - Mở rộng thị phần, tung thị trường các sản phẩm mới (thép kết cấu, ống mạ kẽm...) và mở rộng hệ thống phân phối
- Xây dựng hệ thống quản lý và nhân sự Công ty**
 - Hoàn thiện các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh và tài chính
 - Bổ sung các vị trí nhân sự còn thiếu
 - Đào tạo, nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

▶ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2011

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

Năm 2011 được dự báo sẽ tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam và có nhiều nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp:

- Các yếu tố đầu vào của giá thành đều tăng: giá nguyên liệu thép, giá điện, giá nước, giá xăng dầu, chi phí tiền lương... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.
- Các yếu tố khác như: tỷ lệ lạm phát cao, nhập siêu, bất ổn tỷ giá ngoại tệ cũng là yếu tố làm hạn chế sức tiêu thụ của thị trường.
- Bên cạnh đó, nhân tố hỗ trợ tích cực lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm của Doanh nghiệp là: các ngành sản xuất sản phẩm thép xuất khẩu phục hồi.

Trên cơ sở đánh giá tình hình như trên, HĐQT và BGĐ đã xem xét các yếu tố vĩ mô và thận trọng để ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm 2011 như sau:

1. Thực hiện công tác "Tái cấu trúc lại hoạt động Doanh nghiệp" trong năm 2011
2. Tiếp tục kế hoạch di dời nhà máy từ Quận Bình Tân, TPHCM về Khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh Long An.

Chuẩn bị kế hoạch xây dựng giai đoạn 2 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại Khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh Long An và chính thức đưa sản phẩm ống thép kết cấu ra thị trường vào Quý IV năm 2011.



3. Tiếp tục triển khai kế hoạch xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu với các hạng mục như sau:
 - Công tác di dời nhà máy tại khu dân cư Quận Bình Tân xuống KCN Bắc An Thạnh sẽ tạm ngừng và dời sang năm 2012.
 - Hoàn thành công tác thiết kế chi tiết khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.
 - Tiếp tục kêu gọi đầu tư cho khu phức hợp Hữu Liên.

4. Kế hoạch bổ sung 300 tỷ vào nguồn vốn lưu động năm 2011 của Công ty thông qua hình thức phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc phát hành cổ phiếu cho các công đồng hiện hữu. Kế hoạch cụ thể việc sử dụng số tiền từ đợt huy động như sau:
 - 50 tỷ đồng phục vụ cho dự án khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.
 - 100 tỷ bổ sung vốn lưu động cho Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên.
 - 150 tỷ bổ sung vốn lưu động để khắc phục tình trạng mất cân đối nguồn vốn hoạt động của Công ty Hữu Liên Á Châu nhằm giảm bớt chi phí hoạt động tài chính.

1. Kế hoạch thay đổi niên độ tài chính của Công ty Hữu Liên Á Châu kể từ năm 2011 trở đi, nhằm tránh áp lực về thời gian cho việc lập báo cáo tài chính cuối niên độ và tránh áp lực cho Công ty kiểm toán phục vụ cho Công ty. Niên độ tài chính từ năm 2011 trở đi, được thay đổi cụ thể:
 - Niên độ tài chính năm 2011: từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011.
 - Niên độ tài chính từ năm 2012 trở đi: từ ngày 01/10 năm hiện hành đến ngày 30/09 năm sau.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận niên độ tài chính 2011:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2011
1.	Doanh thu thuần	2.400,00
2.	Lợi nhuận trước thuế	70,50
3.	Nộp ngân sách nhà nước	18,00
4.	Lợi nhuận sau thuế	52,50
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	
	+ Chi 11,25% cổ tức bằng tiền (cho 09 tháng 2011)	38,85
	+ Quý khen thưởng	3,15
	+ Quý phúc lợi	1,60
	+ Thưởng cho HĐQT nếu đạt và vượt LN kế hoạch năm 2011	1,05
	+ Bù đắp cổ tức đã chi năm 2010	7,85
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4,5 triệu

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU TỚI NĂM 2014

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch kinh doanh của Công ty tới niên độ tài chính 2014, cụ thể:

Chỉ tiêu	Niên độ 2012	Niên độ 2013	Niên độ 2014
I. Tổng doanh thu	3.520 tỷ	3.850 tỷ	4.200 tỷ
II. Lợi nhuận sau thuế	105 tỷ	112 tỷ	126 tỷ
III. Chia cổ tức	15%	15%	15%
Tiền			
Cổ phiếu			

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu trong năm 2010, phương hướng nhiệm vụ năm 2011 cũng như định hướng kế hoạch kinh doanh tới năm 2014. Xin báo cáo đại hội được rõ và xin các đại biểu cho ý kiến đóng góp thêm để Công ty ngày càng hoàn thiện hơn trong quá trình xây dựng và phát triển.

KẾ TỪ NĂM 2011

trở đi, Hữu Liên Á Châu quyết định thay đổi niên độ tài chính của Công ty nhằm tránh áp lực về thời gian cho việc lập báo cáo tài chính cuối niên độ và tránh áp lực cho Công ty kiểm toán phục vụ cho Công ty.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 4 năm 2001, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần 1	Ngày 17 tháng 10 năm 2001
Điều chỉnh lần 2	Ngày 27 tháng 8 năm 2002
Điều chỉnh lần 3	Ngày 19 tháng 3 năm 2003
Điều chỉnh lần 4	Ngày 23 tháng 3 năm 2004
Điều chỉnh lần 5	Ngày 14 tháng 7 năm 2004
Điều chỉnh lần 6	Ngày 27 tháng 6 năm 2006
Điều chỉnh lần 7	Ngày 12 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần 8	Ngày 4 tháng 1 năm 2008
Điều chỉnh lần 9	Ngày 28 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần 10	Ngày 25 tháng 2 năm 2010

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 114/QD-SDGHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có một công ty con phụ thuộc toàn bộ là Công ty TNHH Một Thành viên Thép Hữu Liên (“Công ty con”). Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép và hàng trang trí nội thất.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại KE A2/7, Tân Kiên - Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Bất thường ngày 9 tháng 11 năm 2009, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 13.800.000 cổ phiếu mới với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ. Chi tiết như sau:

- Phát hành 3.800.000 cổ phiếu mới dưới hình thức cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu của Công ty thông qua việc sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển. Theo đó, thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển được chuyển thành vốn cổ phần với giá trị lần lượt là 36.000.000.000 VNĐ và 2.000.000.000 VNĐ như được trình bày ở Thuyết minh số 22.1 trong các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo; và
- Phát hành 10.000.000 cổ phiếu mới chào bán cho cổ đông với giá phát hành là 20.000 VNĐ/cổ phiếu.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 13.800.000 cổ phiếu mới như được trình bày ở Thuyết minh số 22.2 trong các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Phó chủ tịch
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Bùi Quang Hiệp	Thành viên
Ông Đoàn Minh Tiến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Nhóm Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Trần Xảo Cơ
Chủ tịch
Ngày 20 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 60752765/13900113

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) và công ty con (“Nhóm Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày từ trang 4 đến trang 41 (sau đây gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”). Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Nhóm Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ronald Coronel Almera
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.0876/KTV

Ngày 20 tháng 3 năm 2011

B01-DN/HN

Bảng cân đối kiểm toán hợp nhất

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.766.703.761.261	1.232.173.989.736
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	94.040.865.807	82.925.050.092
111	1. Tiền		84.040.865.807	82.925.050.092
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	17.415.000	16.585.704.600
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		756.574.524.690	493.882.834.488
131	1. Phải thu khách hàng	6	723.304.802.569	482.544.216.464
132	2. Trả trước cho người bán	7	34.891.159.000	11.886.576.102
135	3. Các khoản phải thu khác	8	3.301.443.936	295.428.733
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(4.922.880.815)	(843.386.811)
140	IV. Hàng tồn kho	9	851.562.557.286	595.014.390.547
141	1. Hàng tồn kho		851.719.929.334	595.014.390.547
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(157.372.048)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.508.398.478	43.766.010.009
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.408.570.486	114.019.799
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		56.340.595.006	34.352.738.813
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước khác		-	26.591.902
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.759.232.986	9.272.659.495
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		416.266.703.026	272.588.401.532
220	I. Tài sản cố định		354.722.078.545	225.752.491.262
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	99.005.074.323	92.808.763.570
222	Nguyên giá		198.140.021.018	172.756.130.160
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(99.134.946.695)	(79.947.366.590)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	29.627.883.830	33.509.569.608
225	Nguyên giá		36.916.162.942	37.597.324.087
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.288.279.112)	(4.087.754.479)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	171.300.263.676	81.048.298.429
228	Nguyên giá		178.221.305.536	86.110.496.320
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.921.041.860)	(5.062.197.891)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	54.788.856.716	18.385.859.655
252	II. Đầu tư vào công ty liên kết	5	32.650.536.979	8.727.656.253
260	III. Tài sản dài hạn khác		28.894.087.502	38.108.254.017
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.042.756.950	19.789.223.798
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	1.314.796.363	1.918.873.479
268	3. Tài sản dài hạn khác	15	22.536.534.189	16.400.156.740
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.182.970.464.287	1.504.762.391.268

Bảng cân đối kiểm toán hợp nhất (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.729.248.068.906	1.217.934.862.361
310	I. Nợ ngắn hạn		1.619.232.702.467	1.189.448.004.186
311	1. Vay ngắn hạn	16	1.300.583.250.816	969.365.706.799
312	2. Phải trả người bán	17	299.027.339.180	199.178.548.701
313	3. Người mua trả tiền trước		6.996.792.883	3.315.628.568
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	18	4.773.083.008	7.888.439.544
315	5. Phải trả người lao động		-	57.045.495
316	6. Chi phí phải trả		3.980.298.883	2.796.843.095
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	3.606.016.856	6.833.557.266
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		265.920.841	12.234.718
330	II. Nợ dài hạn		110.015.366.439	28.486.858.175
333	1. Nợ dài hạn khác	20	12.889.134.943	13.511.934.774
334	2. Vay dài hạn	21	91.232.337.913	11.138.946.099
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		5.893.893.583	3.835.977.302
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		453.722.395.381	276.820.268.281
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	453.722.395.381	276.820.268.281
411	1. Vốn cổ phần		328.000.000.000	190.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		139.000.000.000	75.000.000.000
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(645.139.605)	(19.053.596.373)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.446.176.614	3.446.176.614
420	5. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận chưa phân phối		(14.078.641.628)	27.427.688.040
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	10.007.260.626
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.182.970.464.287	1.504.762.391.268

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	1.296.652	253.581
- Euro (EUR)	838	-

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Loan

Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 20 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.900.941.354.021	2.555.421.036.552
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(785.732.721)	(15.824.832)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1, 29	2.900.155.621.300	2.555.405.211.720
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(2.586.687.034.761)	(2.305.420.609.083)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		313.468.586.539	249.984.602.637
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	8.278.774.736	8.694.001.108
22	7. Chi phí tài chính	25	(218.834.802.418)	(131.341.015.868)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(118.464.128.314)	(62.429.974.415)
24	8. Chi phí bán hàng		(15.623.179.937)	(6.689.862.717)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(64.481.853.548)	(41.798.924.382)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.807.525.372	78.848.800.778
31	11. Thu nhập khác	26	3.083.535.773	16.484.509.473
32	12. Chi phí khác	26	(1.873.151.789)	(2.095.521.589)
40	13. Lợi nhuận khác		1.210.383.984	14.388.987.884
45	14. Lỗ (lợi nhuận) từ công ty liên kết		(244.802.908)	1.367.005.548
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.773.106.448	94.604.794.210
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.1	(8.037.308.633)	(25.340.059.419)
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.2	(591.817.924)	(2.004.981.123)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.143.979.891	67.259.753.668
	Phân bổ cho:			
	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		278.883.976	1.232.332.836
	18.2 Cổ đông của Công ty	22	14.865.095.915	66.027.420.832
70	19. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	23	461	2.896

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Loan

Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 20 tháng 3 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		23.773.106.448	94.604.794.210
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11, 12	26.795.994.301	25.780.601.915
03	Các khoản dự phòng		4.236.866.052	(85.504.417.331)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		445.153.025	179.763.453
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.576.804.490)	4.610.317.914
06	Chi phí lãi vay	25	118.464.128.314	62.429.974.415
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		172.138.443.650	102.101.034.576
09	Tăng các khoản phải thu		(302.649.393.109)	(192.330.417.793)
10	Tăng hàng tồn kho		(263.764.958.818)	(189.607.218.335)
11	Tăng các khoản phải trả		108.256.663.074	62.242.300.617
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		11.451.916.161	(15.452.806.307)
13	Tiền lãi vay đã trả		(117.468.393.426)	(59.774.981.420)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(10.843.413.406)	(16.284.598.301)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.024.129.460)	(3.373.026.591)
20	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		(406.903.265.334)	(312.479.713.554)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(160.310.793.894)	(28.129.694.131)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		151.878.982	991.992.927
24	Tiền thu hồi cho vay		5.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.320.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		228.624.708	681.747.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		4.940.918.175	-
30	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động đầu tư		(156.809.372.029)	(26.455.954.204)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		200.000.000.000	-
33	Tiền vay đã nhận		2.376.408.701.023	2.023.634.044.617
34	Tiền vay đã trả		(1.939.821.504.488)	(1.617.324.039.523)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(10.072.114.535)	(6.017.787.500)
36	Chi trả cổ tức		(51.280.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		575.235.082.000	400.292.217.594

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		11.522.444.637	61.356.549.836
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		82.925.050.092	21.568.500.256
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(406.628.922)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	94.040.865.807	82.925.050.092

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Loan

Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 20 tháng 3 năm 2011

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (“Công ty”) và một công ty con như sau:

Công ty

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 4 năm 2001, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh	Ngày
Điều chỉnh lần 1	Ngày 17 tháng 10 năm 2001
Điều chỉnh lần 2	Ngày 27 tháng 8 năm 2002
Điều chỉnh lần 3	Ngày 19 tháng 3 năm 2003
Điều chỉnh lần 4	Ngày 23 tháng 3 năm 2004
Điều chỉnh lần 5	Ngày 14 tháng 7 năm 2004
Điều chỉnh lần 6	Ngày 27 tháng 6 năm 2006
Điều chỉnh lần 7	Ngày 12 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần 8	Ngày 4 tháng 1 năm 2008
Điều chỉnh lần 9	Ngày 28 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần 10	Ngày 25 tháng 2 năm 2010

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 114/QĐ-SDGHCM ngày 23 tháng 10 năm 2008 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép và hàng trang trí nội thất.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại KE A2/7, Tân Kiên- Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Thép Hữu Liên (“HLS”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1101117327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp vào ngày 19 tháng 8 năm 2009 và theo các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. HLS có trụ sở chính tại Lô B15-B21, Đường tỉnh 830, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính của HLS là sản xuất sản phẩm cơ khí và kinh doanh máy móc và thiết bị.

Ngoài ra, Công ty còn có hai công ty liên kết sau:

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (“MHL”), là công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ 30,68% vốn chủ sở hữu, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103007675 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 8 năm 2007. MHL có trụ sở chính tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của MHL là sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng bằng kim loại. MHL được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ năm 2009.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên (“HLIC”), là công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ 50% vốn chủ sở

hữu, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104010815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2008. HLIC có trụ sở chính tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của HLIC là đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và mua bán máy móc thiết bị.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 795 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.012).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) và được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc Nhóm Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trong tương lai.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Nhóm Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán năm với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Việc mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mua thêm của Công ty, theo đó, khoản chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị hợp lý của phần giá trị thuần tài sản mua được ghi nhận vào lợi thế thương mại.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Nhóm Công ty sử dụng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ở những năm trước, ngoại trừ chính sách kế toán liên quan đến việc phân loại Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Trong năm tài chính, Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 244”) hướng dẫn điều chỉnh và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi chủ yếu được áp dụng tại Nhóm Công ty là phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

Thông tư 244 được áp dụng hồi tố. Thay đổi này làm tăng tổng nợ phải trả của Nhóm Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 265.920.841 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 12.234.718 VNĐ) và giảm tổng nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền tương ứng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa
Thành phẩm và sản phẩm dở dang

- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và được phân bổ hao mòn dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm

Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Nhóm Công ty được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với các báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.13 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trích trước trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty sẽ trả bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 127/2008/ND-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá cho các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ từ năm tài chính 2009.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ các trường hợp sau:

Tất cả chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Nhóm Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng năm năm tiếp theo.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo Thông tư 201 khác biệt so với quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN 10”) như sau:

Nghiệp vụ	CMKTVN 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ. Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo. - Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Nhóm Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Nhóm Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng năm năm tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong trường hợp Nhóm Công ty áp dụng CMKTVN 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và quỹ này được ghi nhận như nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như trình bày tại Thuyết minh số 3.1.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	68.276.891.413	78.123.930.331
Tiền mặt	15.763.974.394	4.801.119.761
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	94.040.865.807	82.925.050.092

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn hai tuần với lãi suất bình quân 14%/năm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	17.415.000	16.585.704.600
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	32.650.536.979	8.727.656.253
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	14.645.500.954	8.727.656.253
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	18.005.036.025	-
TỔNG CỘNG	32.667.951.979	25.313.360.853

5.1 Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco	17.415.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Tín	-	7.550.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	-	4.180.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Ngọc Tâm	-	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xanh	-	1.500.000.000
Khác	-	55.704.600
TỔNG CỘNG	17.415.000	16.585.704.600

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5.2 Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa điểm đăng ký	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	30,68	Thành Phố Hồ Chí Minh – Việt Nam	Sản xuất hàng nội thất và các sản phẩm bằng thép
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên (*)	50,00	Thành Phố Hồ Chí Minh – Việt Nam	Dịch vụ môi giới, kinh doanh bất động sản

(*) Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên (“HLIC”) là công ty con của Công ty, trong đó Công ty nắm 66,67% quyền sở hữu. Vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, HLIC phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ mỗi cổ phiếu cho cổ đông mới. Theo đó, phần trăm quyền sở hữu HLIC được nắm giữ bởi Công ty giảm còn 50%. Việc phát hành cổ phiếu trên đã được Ban Giám đốc xem tương tự như là việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty con dẫn đến kết quả làm mất quyền kiểm soát.

Ban Giám Đốc xem xét bản chất của các nghiệp vụ và dựa vào đó, quyết định hạch toán các nghiệp vụ như sau:

- giảm giá trị còn lại của tài sản và công nợ trong công ty con tại ngày mất quyền kiểm soát
- giảm giá trị còn lại của lợi ích cổ đông thiểu số của công ty con tại ngày mất quyền kiểm soát
- ghi nhận lại khoản đầu tư vào công ty con theo giá thị trường tại ngày mất quyền kiểm soát.
- ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ của công ty mẹ phát sinh do mất quyền kiểm soát

Giá trị còn lại của tài sản và công nợ của HLIC tại ngày Công ty mất quyền kiểm soát được trình bày như sau:

	VNĐ
	Giá trị thuần
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.783.705.639
Khoản phải thu	604.362.000
Hàng tồn kho	10.589.130.047
Tài sản ngắn hạn khác	25.959.950.452
Tổng tài sản ngắn hạn	54.937.148.138
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10)	3.375.164.342
Tài sản thuê tài chính (Thuyết minh số 11)	3.969.132.634
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 12)	36.075.000
Tài sản dài hạn khác	1.084.502.168
Tổng tài sản dài hạn	8.464.874.144
Tổng tài sản	63.402.022.282
Vay ngắn hạn	(307.476.666)
Khoản phải trả	(3.219.860.326)
Phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp	(236.849.932)
Các khoản nợ ngắn hạn khác	(14.635.263.703)
Các khoản nợ dài hạn khác	(3.988.805.658)
Tổng nợ phải trả	(22.388.256.285)
TÀI SẢN THUẦN	41.013.765.997

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

5.2 Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty HLIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày như sau:

	VNĐ
	Giá gốc của khoản đầu tư
Số đầu năm	-
Tăng giá gốc của khoản đầu tư do ảnh hưởng của việc mất quyền kiểm soát	20.506.882.999
Số cuối năm	20.506.882.999
	Lợi nhuận trong công ty liên kết
Số đầu năm	-
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	(901.846.974)
Cổ tức nhận được	(1.600.000.000)
Số cuối năm	(2.501.846.974)
	Giá trị thuần có thể thực hiện được
Số đầu năm	-
Số cuối năm	18.005.036.025

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	375.687.702.338	237.323.264.140
Phải thu bên thứ ba	347.617.100.231	245.220.952.324
	723.304.802.569	482.544.216.464
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.922.880.815)	(843.386.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	718.381.921.754	481.700.829.653

7. TẠM ỨNG NHÀ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng bên cho thứ ba	28.399.298.347	11.886.576.102
Tạm ứng cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	6.491.860.653	-
TỔNG CỘNG	34.891.159.000	11.886.576.102

Tạm ứng nhà cung cấp chủ yếu để mua nguyên vật liệu theo các hợp đồng kinh tế.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước cho nhân viên	1.146.589.319	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	689.426.355	-
Phải thu khác	1.465.428.262	295.428.733
TỔNG CỘNG	3.301.443.936	295.428.733

9. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	695.131.004.637	357.670.461.197
Thành phẩm	76.486.965.050	56.007.704.420
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.573.904.678	42.888.329.619
Hàng hóa	22.519.836.647	7.675.299.000
Công cụ, dụng cụ	2.008.218.322	634.077.985
Hàng mua đang đi trên đường	-	130.138.518.326
	851.719.929.334	595.014.390.547
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(157.372.048)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	851.562.557.286	595.014.390.547

Hàng tồn kho trị giá 849.149.180.490 VNĐ đã được dùng làm tài sản thế chấp vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 16).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			VNĐ		
	Máy móc thiết bị	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	118.785.511.483	35.311.514.001	14.994.617.210	2.807.522.466	856.965.000	172.756.130.160
Mua mới	10.876.726.786	6.126.701.040	838.834.333	1.245.439.219	435.022.480	19.522.723.858
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.655.214.602	933.137.558	2.309.340.457	-	-	6.897.692.617
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	5.548.834.731	-	-	-	-	5.548.834.731
Phân loại lại	(1.013.710.540)	-	919.428.571	94.281.969	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(231.155.000)	-	(2.832.699.981)	-	-	(3.063.854.981)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con (Thuyết minh số 5.2)	(3.331.089.090)	-	(60.333.818)	(130.082.459)	-	(3.521.505.367)
Số dư cuối năm	134.290.332.972	42.371.352.599	16.169.186.772	4.017.161.195	1.291.987.480	198.140.021.018
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	31.812.810.304	35.428.570	1.935.119.708	940.785.109	163.950.000	34.888.093.691
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	(66.007.764.164)	(3.668.472.666)	(8.482.153.710)	(1.478.581.197)	(310.394.853)	(79.947.366.590)
Khấu hao trong năm	(15.254.228.431)	(1.831.543.922)	(2.324.617.978)	(461.733.001)	(82.702.281)	(19.954.825.613)
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	(1.572.169.840)	-	-	-	-	(1.572.169.840)
Phân loại lại thành tài sản cố định vô hình	(205.770.513)	-	(3.859.733)	-	-	(209.630.246)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.402.704.569	-	-	2.402.704.569
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con (Thuyết minh số 5.2)	9.726.061	-	19.857.944	116.757.020	-	146.341.025
Số dư cuối năm	(83.030.206.887)	(5.500.016.588)	(8.388.068.908)	(1.823.557.178)	(393.097.134)	(99.134.946.695)
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	52.777.747.319	31.643.041.335	6.512.463.500	1.328.941.269	546.570.147	92.808.763.570
Số dư cuối năm	51.260.126.085	36.871.336.011	7.781.117.864	2.193.604.017	898.890.346	99.005.074.323
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16 và 21)	17.635.771.421	12.677.950.909	2.254.021.646	-	-	32.567.743.976

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ
	<i>Máy móc thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	37.597.324.087
Mua mới	8.836.806.220
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.548.834.731)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con (<i>Thuyết minh số 5.2</i>)	(3.969.132.634)
Số dư cuối năm	<u>36.916.162.942</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số dư đầu năm	(4.087.754.479)
Chi phí khấu hao trong năm	(4.772.694.473)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	1.572.169.840
Số dư cuối năm	<u>(7.288.279.112)</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	33.509.569.608
Số dư cuối năm	<u>29.627.883.830</u>

Nhóm Công ty đang thuê máy móc thiết bị sử dụng trong dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính Sacombank và công ty cho thuê tài chính Chailease International Leasing Co., Ltd.

Theo như điều khoản của những hợp đồng thuê tài chính, Nhóm Công ty có quyền chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Cam kết thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê này được trình bày tại Thuyết minh số 20.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	86.015.845.330	94.650.990	86.110.496.320
Mua mới	90.802.553.513	36.075.000	90.838.628.513
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.308.255.703	1.308.255.703
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con (<i>Thuyết minh số 5.2</i>)	-	(36.075.000)	(36.075.000)
Số dư cuối năm	<u>176.818.398.843</u>	<u>1.402.906.693</u>	<u>178.221.305.536</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	(5.049.117.155)	(13.080.736)	(5.062.197.891)
Khấu trừ trong năm	(2.054.896.062)	(13.578.153)	(2.068.474.215)
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	209.630.246	-	209.630.246
Số dư cuối năm	<u>(6.894.382.971)</u>	<u>(26.658.889)</u>	<u>(6.921.041.860)</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	80.966.728.175	81.570.254	81.048.298.429
Số dư cuối năm	<u>169.924.015.872</u>	<u>1.376.247.804</u>	<u>171.300.263.676</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 21)</i>	97.332.396.409	-	97.332.396.409

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng nhà máy	29.844.915.243	-
Quyền sử dụng đất	15.000.000.000	15.000.000.000
Công trình nhà xưởng	7.027.649.000	2.167.749.000
Phần mềm kế toán Lemon 3	1.148.110.655	1.148.110.800
Dịch vụ tư vấn thiết kế	1.768.181.818	-
Khác	-	69.999.855
TỔNG CỘNG	<u>54.788.856.716</u>	<u>18.385.859.655</u>

Xây dựng nhà máy trị giá 29.844.915.243 VNĐ đã được dùng làm tài sản thế chấp vay dài hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 21*).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí văn phòng	2.887.367.408	2.858.746.906
Chi phí nhà xưởng	2.155.389.542	-
Quyền sử dụng đất	-	13.838.327.737
Chi phí quảng cáo	-	3.092.149.155
TỔNG CỘNG	5.042.756.950	19.789.223.798

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng	17.348.820.669	10.829.566.140
Đặt cọc cho các hợp đồng thuê tài chính	2.965.382.600	4.941.382.600
Khác	2.222.330.920	629.208.000
TỔNG CỘNG	22.536.534.189	16.400.156.740

16. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	1.283.165.298.968	951.528.184.609
Nợ dài hạn khác và vay dài hạn đến hạn trả	17.417.951.848	17.837.522.190
Trong đó:		
Nợ dài hạn khác (Thuyết minh số 20)	5.928.891.530	9.739.960.730
Vay dài hạn (Thuyết minh số 21)	11.489.060.318	8.097.561.460
TỔNG CỘNG	1.300.583.250.816	969.365.706.799

16. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (% / năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	572.292.787.000	6 tháng và đến hạn từ ngày 19 tháng 1 năm 2011 đến ngày 8 tháng 5 năm 2011	13,30 - 15,00	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
	43.381.030.915	6 tháng và đến hạn từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 26 tháng 5 năm 2011	6,72 - 6,48	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	77.368.629.975	6 tháng và đến hạn từ ngày 23 tháng 3 năm 2011 đến 23 tháng 6 năm 2011	12,96 - 16,80	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
	60.459.934.572	6 tháng và đến hạn từ ngày 23 tháng 3 năm 2011 đến ngày 23 tháng 6 năm 2011	6,00 - 6,50	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	118.294.471.261	4 tháng và đến hạn từ ngày 7 tháng 2 năm 2011 đến ngày 29 tháng 4 năm 2011	13,00 - 16,50	Máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10), hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) và bảo lãnh bởi ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch
	31.681.849.945	6 tháng và đến hạn từ ngày 23 tháng 2 năm 2011 đến ngày 16 tháng 3 năm 2011	13,00	Máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10), hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) và bảo lãnh bởi ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hải	93.978.093.801	6 tháng và đến hạn từ ngày 12 tháng 1 năm 2011 đến ngày 29 tháng 6 năm 2011	13,50 - 19,50	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	75.116.000.000	6 tháng và đến hạn từ ngày 5 tháng 1 năm 2011 đến ngày 28 tháng 4 năm 2011	14,00 - 14,50	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
	8.314.442.168	Ngày 24 tháng 6 năm 2011	7,50	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

16. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (% / năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	60.705.623.009	12 tháng và đến hạn từ ngày 5 tháng 5 năm 2011 đến ngày 9 tháng 5 năm 2011	13,20 - 15,00	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất	58.036.912.971	3 tháng và kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến ngày 28 tháng 3 năm 2011	17,80	Tín chấp
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	41.229.516.045	12 tháng và đến hạn từ ngày 24 tháng 2 năm 2011 đến ngày 1 tháng 9 năm 2011	12,00 - 14,80	Bảo lãnh bởi ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	26.464.007.306	4 tháng và đến hạn từ ngày 22 tháng 3 năm 2011 đến 17 tháng 4 năm 2011	17,30 - 17,50	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) và bảo lãnh bởi ông Trần Tuấn Nghiệp – Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	15.842.000.000	6 tháng và đến hạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2011 đến ngày 9 tháng 5 năm 2011	15,20 - 15,80	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9)
TỔNG CỘNG	1.283.165.298.968			

B09-DN/HN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	166.732.258.078	89.237.486.130
Phải trả các bên thứ ba	132.295.081.102	109.941.062.571
TỔNG CỘNG	299.027.339.180	199.178.548.701

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu	3.448.069.362	3.479.421.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	1.325.013.646	4.367.968.351
Thuế giá trị gia tăng	-	13.356.256
Các loại thuế khác	-	27.693.428
TỔNG CỘNG	4.773.083.008	7.888.439.544

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước của cổ đông để mua cổ phiếu phát hành thêm (Thuyết minh số 30)	2.904.000.000	-
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	500.000.000	6.000.000.000
Trợ cấp mất việc	132.306.791	-
Kinh phí công đoàn	58.966.550	49.146.706
Bảo hiểm xã hội	-	374.226.278
Các khoản khác	10.743.515	410.184.282
TỔNG CỘNG	3.606.016.856	6.833.557.266

20. NỢ DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê tài chính	18.818.026.473	23.251.895.504
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	5.928.891.530	9.739.960.730
Nợ dài hạn	12.889.134.943	13.511.934.774

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

20. NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Nhóm Công ty thuê máy móc thiết bị chuyên dùng cho việc sản xuất thép theo hợp đồng thuê tài chính. Nghĩa vụ tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo thỏa thuận thuê tài chính được xác định như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VNĐ
	Tổng cộng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Chi phí tài chính	Tổng cộng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Khoản phải trả tiền thuê	
Phải trả ngắn hạn	8.777.398.610	2.848.507.080	12.602.807.849	2.862.847.119	9.739.960.730
Dưới một năm	8.777.398.610	2.848.507.080	12.602.807.849	2.862.847.119	9.739.960.730
Phải trả dài hạn	16.218.981.743	3.329.846.800	16.530.830.227	3.018.895.453	13.511.934.774
Từ một năm đến năm	16.218.981.743	3.329.846.800	16.530.830.227	3.018.895.453	13.511.934.774
TỔNG CỘNG	24.996.380.353	6.178.353.880	29.133.638.076	5.881.742.572	23.251.895.504

B09-DN/HN

21. VAY DÀI HẠN

	VNĐ			
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Vay ngân hàng	102.721.398.231	19.236.507.559		
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	11.489.060.318	8.097.561.460		
Vay dài hạn	91.232.337.913	11.138.946.099		
Vay dài hạn từ ngân hàng bao gồm:				
Hợp đồng vay	Số cuối năm (VNĐ)	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (% / năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín				
LD1014600266	68.800.000.000	120 tháng từ ngày 26 tháng 5 năm 2010	14,32 - 14,63	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12) và nhà máy (Thuyết minh số 13)
LD1030200295	7.600.000.000	115 tháng từ ngày 29 tháng 10 năm 2010	14,02 - 15,00	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12) và nhà máy (Thuyết minh số 13)
LD1030800265	7.600.000.000	115 tháng từ ngày 4 tháng 11 năm 2010	13,89 - 15,00	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12) và nhà máy (Thuyết minh số 13)
LD1034800076	5.700.000.000	114 tháng từ ngày 14 tháng 12 năm 2010	19,50	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12) và nhà máy (Thuyết minh số 13)
Số. KU 11232	6.158.676.018	120 tháng kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2006	14,76 - 16,52	Nhà cửa, vật kiến trúc (Thuyết minh số 10)
Số. KU 9115	3.149.660.045	72 tháng kể từ ngày 5 tháng 1 năm 2006	5,88 - 8,05	Máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10)
Số. KU 9100	911.624.000	84 tháng kể từ ngày 3 tháng 1 năm 2006	14,76 - 16,52	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 12)
Số. KU 11883	532.954.732	60 tháng kể từ ngày 5 tháng 1 năm 2007	7,55 - 8,28	Máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10)
Số. KU 10735	360.143.436	60 tháng kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2006	4,25 - 6,45	Máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Hợp đồng vay	Số cuối năm (VNĐ)	Điều khoản và thời hạn	Lãi suất (% / năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu				
85980419	937.501.000	48 tháng từ ngày 14 tháng 9 năm 2010	15,86 - 18,50	Phương tiện vận tải (Thuyết minh số 10)
84910459	733.332.000	48 tháng từ ngày 17 tháng 8 năm 2010	15,86 - 17,46	Phương tiện vận tải (Thuyết minh số 10)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam				
No. KU 2493	237.507.000	36 tháng kể từ ngày 5 tháng 3 năm 2009	19,06	Tín chấp
TỔNG CỘNG	102.721.398.231			

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối (lũ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước:							
Số dư đầu năm	190.000.000.000	75.000.000.000	3.446.176.614	3.373.176.591	-	(38.599.732.792)	233.219.620.413
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	66.027.420.832	66.027.420.832
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(19.053.596.373)	-	(19.053.596.373)
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.373.176.591)	-	-	(3.373.176.591)
Số dư cuối năm	190.000.000.000	75.000.000.000	3.446.176.614	-	(19.053.596.373)	27.427.688.040	276.820.268.281
Năm nay:							
Số dư đầu năm	190.000.000.000	75.000.000.000	3.446.176.614	-	(19.053.596.373)	27.427.688.040	276.820.268.281
Phát hành cổ phiếu mới	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần và quỹ	38.000.000.000	(36.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	14.865.095.915	14.865.095.915
Cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	(813.610.000)	(813.610.000)
Chi trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(25.040.000.000)	(25.040.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2010 (*)	-	-	-	-	-	(26.240.000.000)	(26.240.000.000)
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.277.815.583)	(4.277.815.583)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	18.408.456.768	-	18.408.456.768
Số dư cuối năm	328.000.000.000	139.000.000.000	1.446.176.614	-	(645.139.605)	(14.078.641.628)	453.722.395.381

(*) Vào ngày 23 tháng 6 và ngày 5 tháng 10 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm ứng cổ tức với tỷ lệ tạm ứng mỗi lần là 4% mệnh giá tổng cộng là 26.240.000.000 VNĐ dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty trong sáu tháng đầu năm tài chính.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

22.2 Vốn cổ phần

	Số cổ phần	Mệnh giá VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	19.000.000	190.000.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	13.800.000	138.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	32.800.000	328.000.000.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông (VNĐ)	14.865.095.915	66.027.420.832
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm (*)	32.252.055	22.800.000
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	461	2.896

(*) Theo CMKTVN số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", bình quân gia quyền của số cổ phiếu năm hiện hành và năm trước được điều chỉnh tăng số lượng cổ phiếu thường và cổ tức bằng cổ phiếu (phát hành không kèm theo việc tăng lên của nguồn vốn) như là số cổ phiếu này đã tăng từ đầu năm trước.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu gộp	2.900.941.354.021	2.555.421.036.552
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng hóa	1.451.137.806.194	1.441.683.117.944
Doanh thu từ bán thành phẩm	1.446.517.277.855	1.111.220.873.142
Doanh thu dịch vụ	3.286.269.972	2.058.430.162
Doanh thu khác	-	458.615.304
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(785.732.721)	(15.824.832)
DOANH THU THUẦN	2.900.155.621.300	2.555.405.211.720

24. DOANH THU (TIẾP THEO)

24.2 Doanh thu tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.810.418.175	3.337.517.494
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.365.490.862	4.542.303.199
Thu nhập từ đầu tư	940.637.700	681.747.000
Cổ tức được chia	130.500.000	32.243.720
Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	58.304.699
Doanh thu tài chính khác	31.727.999	41.884.996
TỔNG CỘNG	8.278.774.736	8.694.001.108

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	118.464.128.314	62.429.974.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.962.197.936	53.750.590.734
Chi phí sắp xếp thực hiện khoản vay	17.371.106.863	14.472.257.759
Lỗ từ hoạt động đầu tư	480.011.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	445.153.025	238.068.152
Chi phí tài chính khác	112.205.280	450.124.808
TỔNG CỘNG	218.834.802.418	131.341.015.868

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.083.535.773	16.484.509.473
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.370.000.000	991.992.927
Thu từ bán phế liệu	-	15.112.638.933
Các khoản thu khác	1.713.535.773	379.877.613
Chi phí khác	(1.873.151.789)	(2.095.521.589)
Chi phí cho việc thanh lý tài sản cố định	(661.150.413)	(802.948.451)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	(168.961.000)	(1.260.650.705)
Các khoản chi phí khác	(1.043.040.376)	(31.922.433)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.210.383.984	14.388.987.884

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Nhóm Công ty là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng tóm tắt ước tính thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	23.773.106.448	94.604.794.210
Điều chỉnh:		
Các chi phí không được khấu trừ	9.572.314.077	8.064.912.223
Lỗi sau thuế của công ty con	4.215.970.405	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.800.536.841	-
Lỗi (lợi nhuận) chưa thực hiện phân phối từ các công ty liên kết	244.802.908	(1.367.005.548)
Lỗi chưa thực hiện từ việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	168.961.000	1.260.650.705
Trích trước chi phí lãi vay	(2.654.992.995)	2.654.992.995
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(238.068.152)	238.068.152
Doanh thu chưa thực hiện	-	36.930.000
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	-	(43.493.333)
Trích trước chi phí dịch vụ	-	55.600.100
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗi năm trước	36.882.630.532	105.505.449.504
Lỗi năm trước chuyển sang	(4.733.396.000)	(4.500.000.000)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	32.149.234.532	101.005.449.504
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	8.037.308.633	25.251.674.582
Thuế TNDN được giảm trừ theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	(326.274.900)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	414.659.737
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.037.308.633	25.340.059.419
Thuế TNDN phải trả (phải thu) đầu năm	4.367.968.351	(3.935.385.000)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.843.413.406)	(16.284.598.301)
Giảm thuế TNDN từ việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 5.2)	(236.849.932)	(752.107.767)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.325.013.646	4.367.968.351

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ	864.662.153	-	864.662.153	-
Trợ cấp mất việc làm	450.134.210	-	450.134.210	(154.425.000)
Chuyển lỗ	-	1.183.349.000	(1.183.349.000)	(1.124.999.602)
Trích trước chi phí lãi vay	-	663.748.249	(663.748.249)	663.748.249
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	59.517.038	(59.517.038)	(1.401.563.962)
Các khoản trích trước	-	-	-	13.900.025
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	(1.640.833)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	-	12.259.192	-	-
Tài sản thuế hoãn lại	1.314.796.363	1.918.873.479		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(591.817.924)	(2.004.981.123)

27.3 Lỗi năm trước chuyển sang

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗ đến	Chưa chuyển lỗ tại
			ngày 31 tháng 12 năm 2010	ngày 31 tháng 12 năm 2010
<i>Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu</i>				
2005	2010	21.367.968.351	(21.367.968.351)	-
<i>Công ty TNHH Một Thành viên Thép Hữu Liên</i>				
2010	2015	4.215.970.405	-	4.215.970.405

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản lỗ tính thuế của công ty TNHH Một Thành viên Thép Hữu Liên là do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 4.215.970.405 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>			
			<i>Giá trị</i>			
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Bán thành phẩm	85.219.754.058			
		Bán hàng hóa	16.239.512.078			
		Bán tài sản cố định	212.727.273			
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.778.320.082			
		Mua nguyên vật liệu	5.156.753.410			
		Mua hàng hóa	83.520.000			
		Chi phí đi thuê	103.185.890			
		Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	Công ty liên kết	Bán thành phẩm	195.825.983	
				Chi phí xây dựng nhà máy	29.254.233.952	
Chi phí đi thuê	3.610.586.580					
Chi phí vận chuyển	33.672.727					
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nghiệp Quyền	Bên liên quan	Bán thành phẩm	358.443.753.962			
		Bán hàng hóa	170.514.007.051			
		Mua nguyên vật liệu	334.196.328.867			
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	Bên liên quan	Bán hàng hóa	13.923.717.136			
		Bán thành phẩm	277.876.255			
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.170.000			
		Mua nguyên vật liệu	36.810.115.386			
		Phí dịch vụ	549.399.791			
Công ty TNHH Một Thành viên Thép Bảo Gia	Bên liên quan	Bán hàng hóa	209.557.276.138			
		Bán thành phẩm	13.648.810.279			
		Mua nguyên vật liệu	118.802.427.758			
		Mua hàng hóa	6.607.248.288			
Công ty TNHH Một Thành viên Thép Hưng Long	Bên liên quan	Bán hàng hóa	184.775.300.249			
		Bán thành phẩm	78.924.987.236			
		Mua nguyên vật liệu	29.176.437.962			

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu(phải trả)</i>
			<i>VNĐ</i>
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nghiệp Quyền	Bên liên quan	Bán hàng hóa	139.162.975.620
Công ty TNHH Một Thành viên Thép Hưng Long	Bên liên quan	Bán hàng hóa	131.731.580.373
Công ty TNHH Một Thành viên Thép Bảo Gia	Bên liên quan	Bán hàng hóa	81.398.744.749
Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	23.331.874.648
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	Bên liên quan	Bán hàng hóa	46.849.517
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	15.677.431
			375.687.702.338
Trả trước nhà cung cấp			
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	Công ty liên kết	Tạm ứng xây dựng nhà xưởng	6.491.860.653
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nghiệp Quyền	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(164.361.183.138)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên	Công ty liên kết	Chi phí đi thuê	(1.302.210.840)
Công ty TNHH Một Thành viên Thép Hưng Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(1.068.864.100)
			(166.732.258.078)
Phải trả khác			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nghiệp Quyền	Bên liên quan	Đặt cọc	(500.000.000)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm, dịch vụ và bao gồm hai bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:
Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép; và Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định trong việc phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	VNĐ			
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Doanh thu	2.901.320.168.939	3.797.044.180	(4.961.591.819)	2.900.155.621.300
Kết quả bộ phận				
Kết quả hoạt động kinh doanh	26.356.242.534	1.138.627.821	(3.721.763.907)	23.773.106.448
Thuế TNDN				(8.629.126.557)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(278.883.976)
LỢI NHUẬN THUẦN SAU THUẾ				14.865.095.915

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	VNĐ			
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
				(*)
Tài sản bộ phận	2.182.970.464.287	-	-	2.182.970.464.287
Nợ phải trả bộ phận	1.729.248.068.906	-	-	1.729.248.068.906

(*) Việc phát hành cổ phiếu của HLIC như trình bày ở Thuyết minh số 5.2 dẫn đến việc mất quyền kiểm soát do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con, theo đó tài sản bộ phận và nợ bộ phận của công ty này không bao gồm tài sản và nợ của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	VNĐ		
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Tổng cộng</i>
Doanh thu	2.544.087.918.983	1.144.885.426	2.555.405.211.720
Kết quả bộ phận			
Kết quả hoạt động kinh doanh	90.975.728.838	58.164.809	94.604.794.210
Thuế TNDN			(27.345.040.542)
Lợi ích của cổ đông thiểu số			(1.232.332.836)
LỢI NHUẬN THUẦN SAU THUẾ			66.027.420.832

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	VNĐ		
	<i>Kinh doanh và sản xuất sản phẩm cơ khí, các sản phẩm được làm từ thép</i>	<i>Đại lý môi giới, kinh doanh bất động sản và đại lý hàng hóa</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản bộ phận	1.491.529.721.951	46.699.732.064	1.504.762.391.268
Nợ phải trả bộ phận	1.217.431.949.225	6.597.632.536	1.217.934.862.361

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Giấy Chứng nhận số 694/GCN-UBCK ngày 28 tháng 9 năm 2010 và Quyết định số 1087/QĐ-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2010 ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, Công ty được phát hành thêm 34.400.000 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Vào ngày 26 tháng 1 năm 2011, Công ty đã phát hành 1.659.293 cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu và nhân viên Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Loan

Tổng Giám Đốc
Trần Tuấn Nghiệp

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

